

Bài ghi tuần 1

Tiết 1

CHỦ ĐỀ 1: THU GỌN ĐA THỨC

I) Nhân đơn thức với đa thức

1 - Quy tắc : Muốn nhân một đơn thức với một đa thức, ta nhân đơn thức với từng hạng tử của đa thức rồi cộng các tích với nhau

2 – Áp dụng :

Bài 1: Làm tính nhân

$$1) 5x(3x^2 - 4x + 1)$$

$$= 15x^3 - 20x^2 + 5x$$

$$2) (-2x^3)(x^2 + 5x - 1/2)$$

$$= -2x^5 - 10x^4 + x^3$$

$$3) (3x^3y - 1/2x^2 + 1/5xy)6xy^3$$

$$= 18x^4y^4 - 3x^3y^3 + 6/5x^2y^4$$

Bài 2: Thực hiện phép nhân rồi thu gọn

$$1) x.(5 - 2x) + 2x.(x - 1) + 12$$

$$= 5x - 2x^2 + 2x^2 - 2x + 12$$

$$= 3x + 12$$

$$2) x(x - y) + y(x + y)$$

$$= x^2 - xy + xy + y^2$$

$$= x^2 + y^2$$

$$3) 3x(12x - 4) - 9x(4x - 3) - 30$$

$$= 36x^2 - 12x - 36x^2 + 27x - 30$$

$$= 15x - 30$$

Tiết 2

II) NHÂN ĐA THỨC VỚI ĐA THỨC

1 – Quy tắc: Muốn nhân một đa thức với một đa thức, ta nhân mỗi hạng tử của đa thức này với từng hạng tử của đa thức kia rồi cộng các tích với nhau

2 – Áp dụng

Bài 1: Thực hiện phép nhân rồi thu gọn

$$1)(x + 2)(2x + 3)$$

$$= 2x^2 + 3x + 4x + 6$$

$$= 2x^2 + 7x + 6$$

$$2)(x - 2)(2x + 1)$$

$$= 2x^2 + x - 4x - 2$$

$$= 2x^2 - 3x - 2$$

Bài 2: Thực hiện phép nhân rồi thu gọn

$$1)(x + 1)(x^2 + 2x - 3)$$

$$= x^3 + 2x^2 - 3x + x^2 + 2x - 3$$

$$= x^3 + 3x^2 - x - 3$$

$$2)(x^2 - 2x + 1)(x - 1)$$

$$= x^3 - x^2 - 2x^2 + 2x + x - 1$$

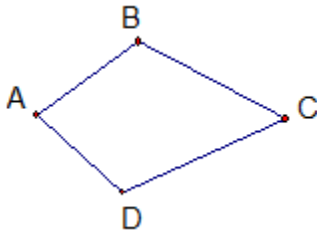
$$= x^3 - 3x^2 + 3x - 1$$

TIẾT 3

CHỦ ĐỀ 1:

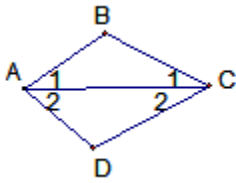
TỨ GIÁC - HÌNH THANG - ĐƯỜNG TRUNG BÌNH

I – TỨ GIÁC



1) **Định nghĩa:** Tứ giác $ABCD$ là hình gồm 4 đoạn thẳng AB, BC, CD, DA , trong đó *bất kỳ 2 đoạn thẳng nào cũng không cùng nằm trên 1 đường thẳng*
Tứ giác lồi là tứ giác luôn nằm trong một nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng chứa bất kì cạnh nào của tứ giác

2) **Tổng các góc của một tứ giác:** (SGK/65)



Kẻ đường chéo AC , ta có :

$$\widehat{A_1} + \widehat{B} + \widehat{C_1} = 180^\circ,$$

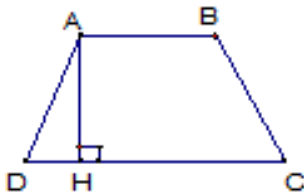
$$\widehat{A_2} + \widehat{D} + \widehat{C_2} = 180^\circ$$

$$(\widehat{A_1} + \widehat{A_2}) + \widehat{B} + (\widehat{C_1} + \widehat{C_2}) + \widehat{D} = 360^\circ$$

$$\text{vậy } \widehat{A} + \widehat{B} + \widehat{C} + \widehat{D} = 360^\circ$$

II – HÌNH THANG

1. **Định nghĩa:** (Sgk/69) hình thang là tứ giác có 2 cạnh đối song



Tứ giác $ABCD$ là hình thang $\Leftrightarrow AB \parallel CD$

AB, CD : cạnh đáy

AD, BC : cạnh bên

AH : đường cao

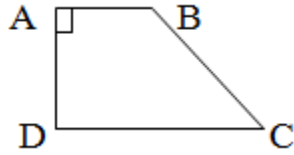
* Hai góc kề một cạnh bên của hình thang thì bù nhau. ($\widehat{A} + \widehat{D} = 180^\circ$)

* Nhận xét: (sgk trang 70)

a) Hình thang có hai cạnh bên song song thì hai cạnh bên bằng nhau và hai cạnh đáy bằng nhau

b) hình thang có hai cạnh đáy bằng nhau thì hai cạnh bên song song và bằng nhau

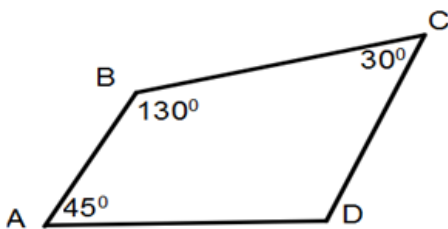
2. Hình thang vuông:



Hình thang vuông là hình thang có 1 góc vuông.
TIẾT 4 (TIẾT HỌC TRÊN INTERNET)

Bài 1: Cho hình vẽ. Tính số đo góc D bằng cách điền vào chỗ

.....



Xét tứ giác ABCD ta có:

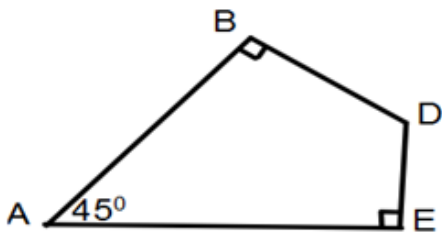
$$\hat{A} + \dots + \dots + \hat{D} = 360^\circ \text{ (tổng 4 góc của tứ giác)}$$

$$\Rightarrow 45^\circ + \dots + \dots + \hat{D} = 360^\circ$$

$$\Rightarrow \hat{D} = 360^\circ - (45^\circ + \dots + \dots)$$

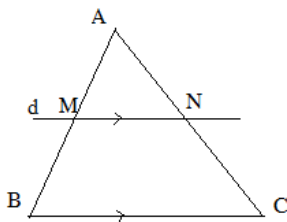
$$\Rightarrow \hat{D} = \dots$$

Bài 2: Cho hình vẽ. Tính số đo góc D



.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Cho tam giác ABC nhọn. Vẽ đường thẳng $d \parallel BC$ cắt AB tại M và cắt AC tại N
Như hình bên. Chứng minh tứ giác BMNC là hình thang

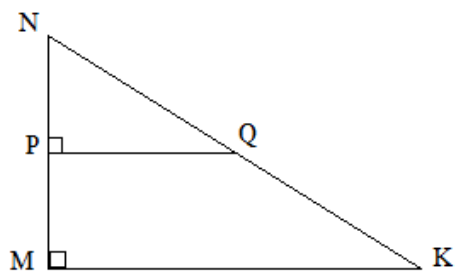


Xét tứ giác BMNC ta có:

..... // ($d \parallel BC$)

Nên tứ giác là hình thang

Bài 4: Cho tam giác MNK vuông tại M. Trên NK lấy điểm Q từ Q kẻ đường thẳng QP vuông góc với NM tại P. Như hình bên. Chứng minh tứ giác MPQK là hình thang vuông



Ta có: $\begin{cases} MK \perp \dots\dots\dots \\ QP \perp \dots\dots\dots \end{cases}$

$\Rightarrow PQ // MK$

Xétta có:

..... // (cmt)

Nên